

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TỔ CHỨC BÁN TRÚ TẠI TRƯỜNG
Năm học 2024-2025

- Căn cứ Nghị quyết 34 NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
- Căn cứ Hướng dẫn số 3308/SGDDT-KHTC ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Sở GD-ĐT tỉnh Quảng Ninh "V/v Triển khai thực hiện quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025";
- Căn cứ Nghị Quyết số 44/2024/NĐ-HĐND ngày 05/11/2024 của Hội đồng Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;
- Căn cứ Kế hoạch số 235a/KH-TH ngày 05/9/2024 và triển khai thực hiện công tác bán trú và vệ sinh an toàn thực phẩm năm học 2024-2025;
- Căn cứ các biên bản cuộc họp ... ngày 05/10/2024 của Hội đồng trường, biên bản họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường ngày 7/4/5 ngày 14/10/2023 ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học ngày 08h30 ngày 05/10/2024; Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh 10h ngày 05/10/2024.

Tổng số học sinh: 1600

Học sinh tham gia dịch vụ:

1460

Học sinh trên lớp

35

Tỉ lệ Số lớp bán trú

41,714

Mức thu: Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú: 6.200đ/hs/ngày x 22 ngày = 136.400đ/hs/tháng

Tiền chi phí trực tiếp: Đặt cơm suất: 22.000đ/hs/ngày x 22 ngày = 484.000đ/hs/tháng

Tiền chi phí gián tiếp (phí thầu, vật tư dụng cụ vệ sinh): 500đ/hs/ ngày x 22 ngày = 11.000đ/hs/tháng

Tổng cộng: 28.700đ/hs/ngày x 22 ngày = 631.400đ/hs/tháng

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Số chi của 1 tháng.			Số chi cả năm học		Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	2	3	4=2*3	5	6=4*5	7
I.	Quản lý bán trú (tổng chi 1+2)			199.153.950		1.792.385.546	
1	Quản lý học sinh trong giờ bán trú			178.982.883		1.610.845.943	
1.1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	41.714	3.818.848	159.300.517	9	1.433.704.649	Theo PL.4.1 thỏa thuận chi trả: 34.245đ/h x 3.2 h x22 ngày
1.2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)			19.682.366		177.141.294	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác này, mức chi do đơn vị tự thỏa thuận
	- Thù quỹ	1	2.534.400	2.534.400	9	22.809.600	Theo PL.4.1 thỏa thuận chi trả: 76.800đ/giờ. (Chi 76.800đ/h x 1,5 tiếng x 22 ngày)
	- Kế toán	1	2.521.134	2.521.134	9	22.690.206	Theo PL.4.1 thỏa thuận chi trả: 74.900đ/giờ. (Chi 74.900đ/h x 1,53 tiếng x 22 ngày)
	- Y tế	1	2.226.400	2.226.400	9	20.037.600	Theo PL.4.1 thỏa thuận chi trả 92.000đ/giờ. 92.000đ/h x 1,1 tiếng x 22 ngày



- Lãnh đạo phụ trách		12.400.432	12.400.432		111.603.888	Trường có 2 cơ sở chi 1,5 suất QL.
Hiệu trưởng (Trần Thị Quỳnh Chi)	1	4.210.272	4.210.272		37.892.448	Theo phụ lục 4.1 thỏa thuận chi trả: 177.200đ/h. 177.200đ/h x 1,08 tăng x 22 ngày
PHT (Đặng Bùi Phương Hào)	1	4.157.560	4.157.560		37.418.040	Theo phụ lục 4.1 thỏa thuận chi trả: 171.800đ/h. (171.800đ/h x 1,1 tăng x 22 ngày
PHT (Lê Thị Minh Châu)	1	4.032.600	4.032.600		36.293.400	Theo phụ lục 4.1 thỏa thuận chi trả: 141.000đ/h. (141.000đ/h x 1,26 tăng x 22 ngày
2 Thuế			20.171.067	9	181.539.603	
2.1 Chi mua hóa đơn điện tử	Hóa đơn điện tử (gói 2.000 hóa đơn = 1.430.000; Chữ kí số chuyên dùng cho phát hành hóa đơn HSM 880.000đ/01 năm; Tổng 2.310.000đ/9 tháng = 256.667đ/tháng)	256.667		9	2.310.003	
2.2 Thuế 10%	5% nộp thuế GTGT, 5% thuế TNDN	19.914.400		9	179.229.600	
II Tiền ăn		22.500	3.219.300.000		3.219.300.000	Áp dụng theo qui định tiêu
3.1 Suất ăn	143.080	22.000	3.147.760.000		3.147.760.000	Theo Điểm c, Khoản 1, Mục II văn bản số 2593/SGDDT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục QN có nội dung chi vật tư phục vụ vệ sinh
3.2 Các chi phí gián tiếp	143.080	500	71.540.000	10	71.540.000	
3.2.1 Điện nước vệ sinh					52.653.440	
Điện						
Quạt trần : 75 w/chiếc	22	39	1.773.486	5	8.867.430	1 ngày: 164 chiếc * 75w * 3,2h = 39 số điện (41 lớp x 4 quạt). 1 tháng = 22 * 39 * 2067đ/số = 1.773.486đ
Bóng đèn tủy: 40w/ chiếc	22	83	3.746.602	5	18.733.010	1 ngày: 656 cái x 40W x 3,2 h = 83 số điện (41 lớp x 16 bóng). 1 tháng = 22 * 83 * 2067đ/số = 3.774.342đ
Nước sinh hoạt	22	7.3	2.329.600	5	11.648.000	1 ngày: 400m3/ 22 ngày/8h x 3,2 h = 7m3
Giấy lau tay, vệ sinh (thùng)	5	127.000	635.000	5	3.175.000	1 thùng/lớp
Nước lau sàn (can)	6	81.000	486.000	5	2.430.000	1 can/tầng x 12 tầng = 12 can (CS1 Khu 1: 5 tầng, Khu 2: 4; Cơ sở 2: 3 tầng)
Nước rửa tay (can)	6	260.000	1.560.000	5	7.800.000	1 can/tầng x 12 tầng = 12 can (CS1 Khu 1: 5 tầng, Khu 2: 4; Cơ sở 2: 3 tầng)
3.2.2 Tư vấn thầu			18.886.560		18.886.560	Căn cứ Mục III công văn số 2593/SGDDT-KHTC ngày 19/9/2023 Nhà trường và Hội phụ huynh đã họp và thống nhất dự toán thu chi, đảm bảo nguyên tắc không vượt quá mức thu tối đa, chi đúng chi dự, trong đó có khoản chi thuế tư vấn lựa chọn nhà thầu
Gói thầu 1 tư vấn lập HSM và đánh giá HSDT	1	12.591.040	12.591.040	5	12.591.040	
Gói thầu 2 tư vấn thẩm định HSM và thẩm định kết quả lựa	1	6.295.520	6.295.520	5	6.295.520	

- Lãnh đạo phụ trách		12.400.432	12.400.432		111.603.888	Trường có 2 cơ sở chi 1,5 suất QL.
Hiệu trưởng (Trần Thị Quỳnh Chi)	1	4.210.272	4.210.272		37.892.448	Theo phụ lục 4.1 thỏa thuận chi trả: 177.200đ/h. 177.200đ/h x 1,08 tiếng x 22 ngày
PHT (Dặng Bùi Phương Hào)	1	4.157.560	4.157.560		37.418.040	Theo phụ lục 4.1 thỏa thuận chi trả: 171.800đ/h. (171.800đ/h x 1,1 tiếng x 22 ngày
PHT (Lê Thị Minh Châu)	1	4.032.600	4.032.600		36.293.400	Theo phụ lục 4.1 thỏa thuận chi trả: 141.000đ/h. (141.000đ/h x 1,26 tiếng x 22 ngày
2 Thuế			20.171.067		181.539.603	
2.1 Chi mua hóa đơn điện tử	Hóa đơn điện tử (gói 2.000 hóa đơn = 1.430.000; Chữ kí số chuyên dùng cho phát hành hóa đơn HSM 880.000đ/01 năm; Tổng 2.310.000đ/9 tháng=256.667đ/tháng)		256.667		2.310.003	
2.2 Thuế 10%	5% nộp thuế GTGT, 5% thuế TNDN		19.914.400		179.229.600	
II Tiền ăn		22.500	3.219.300.000		3.219.300.000	Áp dụng theo qui định thầu
3.1 Suất ăn		143.080	22.000		3.147.760.000	
3.2 Các chi phí gián tiếp		143.080	500		71.540.000	Theo Điểm c, Khoản 1, Mục II văn bản số 2593/SGDDT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục QN có nội dung chi vật tư phục vụ vệ sinh
3.2.1 Điện nước vệ sinh					52.653.440	-
Điện						
Quạt trần : 75 w/chiếc	22	39	1.773.486		8.867.430	1 ngày: 164 chiếc *75w* 3.2h = 39 số điện (41 lớp x 4 quạt). 1 tháng=22*39*2067đ/số=1.773.486đ
Bóng đèn tủyp: 40w/ chiếc	22	83	3.746.602		18.733.010	1 ngày: 656 cái x 40W x 3.2 h = 83 số điện (41 lớp x 16 bóng). 1 tháng=22*83*2067đ/số=3.774.342đ
Nước sinh hoạt	22	7.3	2.329.600		11.648.000	1 ngày: 400m3/ 22 ngày/8h x 3.2 h = 7m3
Giấy lau tay, vệ sinh (thùng)	5		127.000		3.175.000	1 thùng/lớp
Nước lau sàn (can)	6		81.000		2.430.000	1 can/tầng x 12 tầng = 12 can (CSI Khu 1: 5 tầng, Khu 2: 4; Cơ sở 2: 3 tầng)
Nước rửa tay (can)	6		260.000		7.800.000	1 can/tầng x 12 tầng = 12 can (CSI Khu 1: 5 tầng, Khu 2: 4; Cơ sở 2: 3 tầng)
3.2.2 Tư vấn thầu					18.886.560	
Gói thầu 1 tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT	1		12.591.040		12.591.040	Căn cứ Mục III công văn số 2593/SGDDT-KHTC ngày 19/9/2023 Nhà trường và Hội phụ huynh đã họp và thống nhất dự toán thu chi, đảm bảo nguyên tắc không vượt quá mức thu tối đa, chi đúng chỉ dụ, trong đó có khoản chi thuế tư vấn lựa chọn nhà thầu
Gói thầu 2 tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa	1		6.295.520		6.295.520	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Quản lý học sinh trong giờ bán trú			
1	Tổng kinh phí chi năm (1 lớp)	Đồng	42.968.147	
2	Số trẻ/ lớp (TB 1 lớp)	Hs/ lớp	35	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/tháng	70,4	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(4=2*3)	Giờ dạy/năm	633,6	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	67.816	
7	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/ giờ dạy (7=6/2)	Đồng	1.938	6.200
	Tiền ăn			
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	3.219.300.000	
2	Tổng suất ăn trong 1 ngày	Trẻ	1460	
3	Tổng số ngày học trong 5 tháng (từ T01/2025 đến	Ngày	98	
4	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/ ngày (4=1/2/3)	Đồng	22.500	

Ghi chú mức thu P/VBT: Các tháng có số ngày trung bình <=22 ngày (theo định mức) thì thu 6.200đ/hs/ngày;
các tháng có số ngày >22 ngày thì số tiền thu không vượt quá qui định Nghị quyết 34/2021NQ-HĐND
(140.000đ/hs/tháng).

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Trưởng ban



Đại diện công đoàn nhà trường

CTCD


Nguyễn Thị Lại

Kế toán


Đặng Thị Thu Hà

Hiệu trưởng


Trần Thị Quỳnh Chi

Hà Long, ngày 18 tháng 11 năm 2024